

Vietnam Daily Review

VN-Index bất ngờ quay xe

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/8/2022		•	
Tuần 8/8-12/8/2022		•	
Tháng 8/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Bất chấp thông tin tích cực về đà hạ nhiệt của lạm phát Hoa Kỳ, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn có một phiên giao dịch giảm điểm. Đà tăng xuyên suốt phiên sáng nhưng bắt đầu yếu dần và đảo chiều vào giữa phiên chiều. Thị trường đang có những phiên giao dịch biên độ hẹp khi lực bán và lực mua đang giằng co trên thị trường. Thanh khoản gia tăng trong những phiên gần đây cho thấy dấu hiệu hoạt động của các nhà đầu tư đang trở nên tích cực. VN-Index vẫn đang chờ đợi thêm một số thông tin thuận lợi về tăng trưởng tín dụng hoặc nghị định 153 (Trái phiếu doanh nghiệp) để tạo đà bứt phá về vùng 1,280-1,300 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm điểm theo nhịp điều chỉnh của VN30, chỉ VN30F2212 vận động trái chiều. Các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch thận trọng trong phiên giao dịch ngày mai.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/08/2022, các chứng quyền giằng co theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-4.43** điểm, đóng cửa **1,252.07** điểm. HNX-Index **-3.36** điểm, đóng cửa **300.18** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.20)**, **GAS (+1.03)**, **VIC (+0.97)**, **MSN (+0.36)**, **VGC (+0.36)**.
- Kéo chỉ số giảm: **NVL (-0.91)**, **VNM (-0.72)**, **HPG (-0.57)**, **VPB (-0.55)**, **MBB (-0.37)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 17,257 tỷ đồng, tăng 35.96% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,777 tỷ đồng.
- Biên độ giao động: 22.18 điểm. Thị trường có 136 mã tăng, 78 mã tham chiếu, 319 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 74.43 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm SSI (67.72 tỷ), HDB (47.61 tỷ), VND (46.96 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 55.47 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1252.07**

Giá trị: 17257.37 tỷ

-4.43 (-0.35%)

Khối ngoại (ròng): 74.43 tỷ

HNX-INDEX **300.18**

Value: 2547.98 tỷ

-3.36 (-1.11%)

Khối ngoại (ròng): 55.47 tỷ

UPCOM-INDEX **92.72**

Giá trị: 1.01 tỷ

-0.39 (-0.42%)

Khối ngoại (ròng): -51.71 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	92.4	0.55%
Giá vàng	1,790	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,389	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,784	0.08%
Tỷ giá JPY/VND	17,645	0.00%
LS liên NH 1 tháng	4.2%	0.13%
LS TPCP 5 năm	3.4%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	67.7	VNM	-105.0
HDB	47.6	VCI	-73.2
VND	47.0	VHM	-24.0
CTG	34.9	HPG	-22.7
STB	33.0	VJC	-16.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 11/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	91.40	1.00%	0.82%	-9.69%	31.99%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	97.16	0.88%	0.39%	-6.26%	36.00%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	3.05	3.18%	4.88%	-7.73%	32.67%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1792.20	-0.11%	1.55%	3.38%	2.32%		PNJ
Bạc	Ounce	20.59	0.42%	2.75%	7.89%	-12.47%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1679.25	-0.31%	7.78%	10.33%	19.48%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	803.43	2.81%	5.20%	-6.20%	10.51%	AFX	
Sữa	Cwt	20.03	-0.30%	-0.60%	-11.92%	24.10%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	152.30	-1.36%	0.13%	-5.23%	-12.07%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	18.28	1.67%	2.87%	-3.08%	-6.11%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	2.83	0.00%	0.00%	-1.74%	-11.29%		
Cà phê	LB	220.45	3.62%	2.70%	-1.01%	19.91%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.63	1.15%	4.68%	5.85%	-16.73%	CAV. SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	4093.00	-0.29%	0.79%	1.56%	-23.54%		HPG
Nhôm	Ton	2497.50	0.75%	5.03%	4.94%	-3.43%	CAV, SAM, TGP	
Quặng sắt	Ton	111.50	-1.33%	-4.70%	-0.89%	-32.63%	HPG	
Than đá	Ton	384.50	3.64%	-4.71%	-8.23%	130.10%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô WTI của Mỹ được giao dịch ở mức 91.32 USD/thùng, giảm 61 cent, tương đương 0.66% ngày 11/8. Giá dầu thô Brent giao tháng 10 ở mức 97.40 USD/thùng.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày 10-8, giá dầu tăng gần 2%. Giá dầu phục hồi sau mức thua lỗ đầu phiên nhờ những số liệu đáng khích lệ về nhu cầu xăng dầu và dữ liệu lạm phát thấp hơn dự kiến của Mỹ.

Giá vàng

- Giá vàng thế giới giao ngày quanh ngưỡng 1,798 USD/ounce. Vàng giao tháng 12 trên sàn Comex New York ở mức 1,813 USD/ounce.
- Giá vàng đang tiếp tục giữ xu hướng tăng vừa phải do đồng USD giảm. Tuy nhiên, đà tăng không thể bật lên khi giới đầu tư vẫn còn nhiều e ngại cho tới khi báo cáo lạm phát của Mỹ được công bố.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka (OSE), giá cao su ngày 10/8/2022, lúc 13h00, kỳ hạn tháng 10/2022, giảm mạnh xuống mức 230.5 JPY/kg, giảm mạnh 4.4 yên, tương đương 1.87%.
- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2022 trên sàn Thượng Hải giảm mạnh 185 CNY, ghi nhận 12,005 CNY/tấn, tương đương 1.52%.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 9/2022 được ghi nhận tại mức 2,145 USD/tấn sau khi tăng 2.39% (tương đương 50 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 9/2022 tại New York đạt mức 220.45 US cent/pound, tăng 3.62% (tương đương 7.7 US cent).

Thị trường chứng khoán thế giới

	11/8	% 11/8	10/8	% 10/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1252.07	-0.35%	1256.50	-14.74%	-0.17%	6.58%
S&P 500			4210.24	2.13%	1.33%	9.23%
HDTL S&P500	4217.25	0.17%	4210.00	1.17%	1.57%	10.29%
Shang-hai	3281.67	1.60%	3230.02	-6.31%	2.90%	0.01%
Euro Stoxx	3744.89	-0.12%	3749.35	2.68%	-0.26%	7.39%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/5/2022	DRC	29.5	34	27.5	29.4	6	-0.34%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	61	7	-2.09%	Có thể tiếp tục mua
8/3/2022	REE	81.2	93	76	80.2	8	-1.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	POW	13.75	16	13	13.8	9	0.36%	Có thể tiếp tục mua
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	42.5	10	3.03%	Có thể tiếp tục mua
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	24.7	24	6.47%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:								(**) Tiêm cận giá mục tiêu

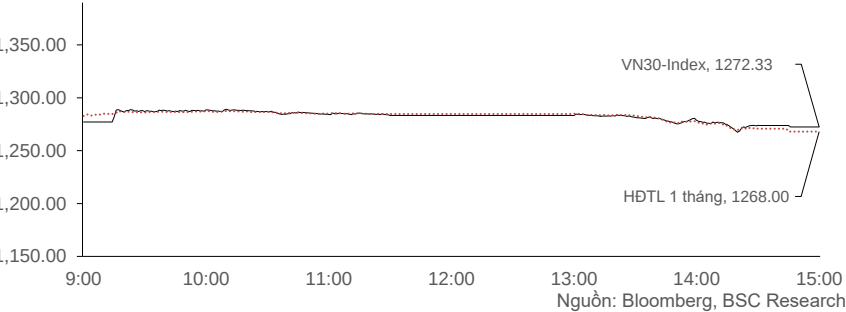
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ	FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	3	3.29%	-1.22%	1.03%	11
Cổ phiếu đã chốt	249	222	7.10%	-7.53%	4.19%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2208	1268.00	-0.20%	-4.33	44.7%	201,523	8/18/2022	7
VN30F2209	1266.00	-0.17%	-6.33	711.2%	1,963	9/15/2022	35
VN30F2212	1260.10	0.23%	-12.23	14.6%	55	12/15/2022	126
VN30F2203	1253.40	-0.05%	-18.93	315.0%	166	3/16/2023	217

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 giảm -4.82 điểm xuống 1272.33 điểm, biên độ dao động 22.25 điểm. Các cổ phiếu như VPB, NVL, HPG, VNM và MBB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30. Chỉ số VN30 hôm nay vận động trong biên độ lớn với mức thanh khoản vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật và thanh khoản đang có dấu hiệu suy yếu của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên giao dịch tới.

• Các HĐTL giảm điểm theo nhịp điều chỉnh của VN30, chỉ VN30F2212 vận động trái chiều. Xét về KLGD và vị thế mở, các HĐ đều tăng, song đà tăng có dấu hiệu chậm lại. □

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2208	3/8/2023	209	5:1	30,700	37.33%	1,100	1,350	5.47%	792	1.70	28,499	23,999	25,300
CPNJ2203	10/3/2022	53	24.8:1	144,800	40.42%	1,300	830	3.75%	599	1.39	139,190	109,999	114,100
CNVL2208	3/28/2023	229	16:1	200	26.07%	1,200	1,310	2.34%	531	2.47	99,519	79,999	81,300
CSTB2215	3/28/2023	229	5:1	539,600	47.13%	1,100	1,430	2.14%	1,112	1.29	30,922	22,222	25,200
CHDB2207	12/7/2022	118	3:1	25,100	37.33%	2,500	1,510	2.03%	913	1.65	24,860	24,500	25,300
CSTB2214	1/9/2023	151	2:1	197,000	47.13%	1,630	2,660	1.14%	2,189	1.21	23,480	23,000	25,200
CKDH2208	12/7/2022	118	4.54:1	271,100	35.00%	2,400	1,930	1.05%	1,132	1.70	43,019	35,891	39,000
CKDH2209	3/28/2023	229	7.26:1	484,700	35.00%	1,200	1,400	0.72%	855	1.64	53,768	36,344	39,000
CPNJ2202	10/3/2022	53	24.8:1	65,900	40.42%	1,200	800	0.00%	679	1.18	117,834	99,999	114,100
CTPB2203	10/28/2022	78	10:1	21,600	44.47%	1,000	700	0.00%	611	1.15	75,899	22,999	28,500
CSTB2211	12/27/2022	138	8:1	491,200	47.13%	1,000	670	0.00%	506	1.32	26,693	23,333	25,200
CMSN2208	10/7/2022	57	14.8:1	15,300	42.66%	2,400	990	0.00%	603	1.64	111,485	104,233	106,800
CTPB2204	3/28/2023	229	10:1	240,800	44.47%	1,000	890	-2.20%	685	1.30	39,388	23,888	28,500
CSTB2213	1/3/2023	145	8:1	114,700	47.13%	1,000	610	-3.17%	442	1.38	36,044	24,444	25,200
CVNM2204	10/7/2022	57	9.67:1	231,600	26.68%	1,500	700	-4.11%	366	1.91	70,603	73,000	71,100
CVNM2207	3/28/2023	229	15.4:1	700	26.68%	1,100	1,070	-4.46%	537	1.99	68,668	68,668	71,100
CMBB2207	1/3/2023	145	10:1	21,500	36.19%	1,000	700	-5.41%	463	1.51	41,356	23,456	26,800
CHPG2215	3/28/2023	229	10:1	2,144,600	37.28%	1,000	680	-5.56%	325	2.09	37,299	22,999	23,400
CMBB2206	10/3/2022	53	10:1	52,600	36.19%	1,000	600	-7.69%	485	1.24	31,422	22,222	26,800
CNVL2202	8/15/2022	4	16:1	109,300	26.07%	1,000	140	-17.65%	107	1.31	119,199	79,999	81,300

Tổng 5,203,000 38.04%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 11/08/2022, các chứng quyền giằng co theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

• CVHM2210 và CVJC2204 có mức tăng trưởng tốt nhất, đều ở mức 100.00%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 6.47%, CHPG2215 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.18% thị trường.

• CPNJ2201, CSTB2215, CSTB2213 và CSTB2214 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPOW2202, CTPB2203, CTPB2204 và CHPG2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203, CSTB2214 và CKDH2208 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	63.0	-0.9%	0.6	4,009	7.5	3,360	18.8	4.1	49.0%	24.2%	
PNJ	Bán lẻ	114.1	-2.1%	0.6	1,202	3.6	5,308	21.5	3.4	49.0%	19.9%	
BVH	Bảo hiểm	56.7	-1.4%	1.2	1,830	2.5	2,380	23.8	1.9	26.6%	8.3%	
PVI	Bảo hiểm	46.0	-0.4%	0.7	468	0.2	3,289	14.0	1.4	58.5%	9.9%	
VIC	Bất động sản	65.8	1.5%	0.5	10,911	4.8	(138) #N/A	N/A	2.4	12.2%	-0.4%	
VRE	Bất động sản	28.9	1.8%	1.1	2,855	2.9	571	50.7	2.1	32.1%	4.2%	
VHM	Bất động sản	61.4	0.2%	0.8	11,624	6.0	6,442	9.5	2.2	23.3%	25.8%	
DXG	Bất động sản	27.8	-0.7%	1.4	734	10.8	1,223	22.7	1.8	29.6%	8.2%	
SSI	Chứng khoán	24.4	-0.6%	1.7	1,581	30.0	2,692	9.1	1.7	24.7%	22.0%	
VCI	Chứng khoán	45.1	-5.5%	1.0	657	28.8	4,546	9.9	2.1	18.3%	24.3%	
HCM	Chứng khoán	26.9	-1.6%	1.6	534	11.2	2,522	10.6	1.6	42.0%	17.5%	
FPT	Công nghệ	86.0	0.0%	0.9	4,102	6.9	4,517	19.0	4.8	49.0%	27.1%	
FOX	Công nghệ	70.5	-0.3%	0.4	1,006	0.0	4,926	14.3	3.9	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	113.0	1.9%	1.0	9,403	4.1	6,709	16.8	3.6	3.0%	24.3%	
PLX	Dầu khí	41.9	-0.2%	1.5	2,312	2.5	514	81.4	2.3	17.5%	3.1%	
PVS	Dầu khí	25.8	2.0%	1.6	536	15.7	1,115	23.1	1.0	8.7%	4.4%	
BSR	Dầu khí	25.3	1.2%	0.8	3,411	16.6	2,108	12.0	2.1	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	92.0	-0.9%	0.3	523	0.0	6,361	14.5	3.2	54.2%	23.1%	
DPM	Hóa chất	46.6	-1.9%	1.3	793	5.0	12,920	3.6	1.5	15.9%	50.2%	
DCM	Hóa chất	31.8	-1.9%	1.2	731	5.4	7,062	4.5	1.7	8.9%	44.8%	
VCB	Ngân hàng	81.5	1.2%	0.8	16,770	4.1	#N/A	N/A	#N/A	N/A	23.5%	#VALUE!
BID	Ngân hàng	38.3	-0.3%	1.2	8,424	2.9	2,574	14.9	2.1	16.9%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	28.5	0.2%	1.5	5,955	5.4	3,056	9.3	1.3	26.8%	15.1%	
VPB	Ngân hàng	29.6	-1.7%	1.2	5,721	19.6	3,755	7.9	1.5	17.6%	22.2%	
MBB	Ngân hàng	26.8	-1.5%	1.3	4,403	13.2	4,160	6.4	1.5	23.2%	26.0%	
ACB	Ngân hàng	24.8	-0.4%	1.1	3,634	3.7	3,482	7.1	1.6	30.0%	25.4%	
BMP	Nhựa	63.5	0.2%	0.7	226	0.2	4,413	14.4	2.1	85.4%	15.2%	
NTP	Nhựa	40.2	-1.2%	0.6	226	0.2	3,914	10.3	1.8	17.8%	18.0%	
MSR	Tài nguyên	20.5	0.0%	1.6	980	0.4	178	115.2	1.6	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	23.4	-1.7%	1.1	5,916	35.5	4,747	4.9	1.4	20.2%	31.8%	
HSG	Thép	20.3	-2.9%	1.6	440	10.0	4,213	4.8	0.9	6.8%	19.3%	
VNM	Tiêu dùng	71.1	-1.9%	0.6	6,461	12.1	4,055	17.5	4.4	54.7%	25.8%	
SAB	Tiêu dùng	182.0	0.0%	0.8	5,074	1.6	7,018	25.9	5.1	62.8%	21.0%	
MSN	Tiêu dùng	106.8	0.9%	1.0	6,611	3.6	7,172	14.9	5.2	28.7%	40.2%	
SBT	Tiêu dùng	19.1	1.9%	1.6	522	4.8	1,381	13.8	1.4	8.2%	8.3%	
ACV	Vận tải	87.3	1.2%	0.8	8,263	0.2	363	240.6	5.1	3.8%	1.3%	
VJC	Vận tải	125.2	-0.2%	1.1	2,948	3.8	695	180.1	3.9	16.8%	2.2%	
HVN	Vận tải	17.8	-1.7%	1.7	1,714	1.5	(4,381) #N/A	N/A	#N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	51.5	-1.0%	0.9	675	3.3	2,702	19.1	2.3	46.4%	12.5%	
PVT	Vận tải	21.0	-0.9%	1.4	296	2.5	2,000	10.5	1.2	13.9%	12.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	77.4	0.8%	0.8	538	1.0	10,334	7.5	2.5	3.1%	36.9%	
VGC	Vật liệu xây dựng	62.0	5.1%	0.7	1,209	6.0	4,345	14.3	3.6	5.6%	27.6%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.8	-1.5%	1.1	278	0.6	506	33.1	1.2	1.9%	3.6%	
CTD	Xây dựng	61.6	-2.7%	1.2	198	2.8	(961) #N/A	N/A	0.6	52.6%	-0.8%	
CII	Xây dựng	23.1	2.2%	1.5	253	17.0	1,253	18.4	1.1	10.6%	6.3%	
REE	Điện	80.2	-0.5%	-1.4	1,239	4.9	6,593	12.2	2.0	49.1%	17.7%	
PC1	Điện	38.0	-2.1%	-0.4	389	2.9	2,077	18.3	1.8	4.8%	10.5%	
POW	Điện	13.8	-1.1%	0.6	1,405	9.5	674	20.5	1.1	2.3%	5.3%	
NT2	Điện	26.0	-2.3%	0.6	325	1.6	3,116	8.3	1.7	14.4%	20.9%	
KBC	Khu công nghiệp	37.5	-0.8%	1.5	1,252	11.4	3,267	11.5	1.7	19.7%	18.5%	
BCM	Khu công nghiệp	79.5	-1%	0.9	3,578	0.7	1,475	53.9	4.8	2.8%	11.1%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	81.50	1.24	1.20	1.17MLN
GAS	113.00	1.89	1.02	846900
VIC	65.80	1.54	0.97	1.67MLN
MSN	106.80	0.95	0.36	772100
VGC	62.00	5.08	0.34	2.26MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	0.00	-0.94	4.46MLN	1.11MLN
VNM	0.00	-0.74	3.88MLN	607060
HPG	0.00	-0.59	34.35MLN	373600
VPB	0.00	-0.57	15.02MLN	192700
MBB	0.00	-0.38	11.23MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPC	10.70	7.00	0.00	58800.00
PDN	118.60	6.94	0.04	1000
DTA	10.55	6.89	0.00	102200
VMD	25.80	6.83	0.01	58300
MCG	4.55	6.81	0.00	1.23MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VFG	54.70	-6.97	-0.03	300
DC4	10.10	-6.91	-0.01	230900
PNC	8.95	-6.87	0.00	700.00
NVT	17.10	-6.81	-0.03	257500
MDG	17.55	-6.65	0.00	600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

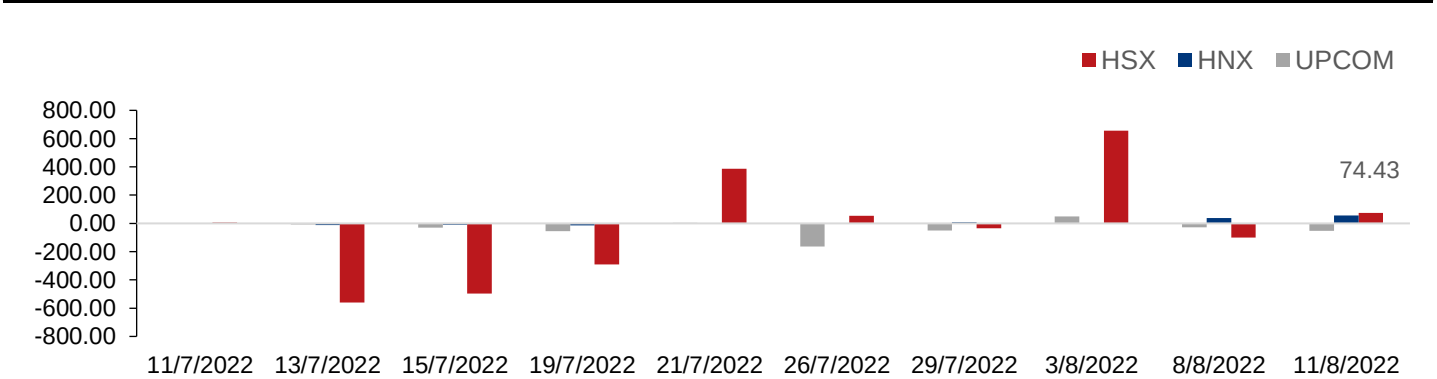
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	25.80	1.98	0.20	13.86MLN
NDN	12.00	6.19	0.08	1.67MLN
NVB	28.70	0.35	0.08	28300
VIT	20.00	9.29	0.07	100.00
SLS	149.90	3.09	0.04	4300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	34.50	-4.96	-0.57	10.38MLN
HUT	29.10	-5.52	-0.56	10.33MLN
IDC	62.20	-1.89	-0.49	2.15MLN
THD	58.20	-0.68	-0.23	52700
L14	119.50	-3.55	-0.17	390700

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTT	61.20	9.9	0.01	900
KKC	14.60	9.8	0.00	100
PTD	13.80	9.5	0.00	100
VIT	20.00	9.3	0.07	100
SVN	5.90	9.3	0.01	127900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BBS	11.10	-11.20	0.00	542900
BST	17.10	-10.00	0.00	1100
CAN	56.10	-9.95	-0.02	200
STC	25.20	-9.68	-0.01	100
CKV	21.50	-9.66	-0.01	3300

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	46.6	12,920	3.6	1.5	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	16.8	506	33.1	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	26.0	3,116	8.3	1.7	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	18.7	0	#N/A N/A	0.8	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	36.2	2,692	13.4	1.3	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	24.0	1,187	20.2	1.9	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	38.0	2,077	18.3	1.8	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.8	674	20.5	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	20.6	7,108	2.9	0.9	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	80.2	6,593	12.2	2.0	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	35.1	4,406	8.0	0.9	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	113.0	6,709	16.8	3.6	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	49.5	3,842	12.9	2.3	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	23.4	4,747	4.9	1.4	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	18.0	4,170	4.3	1.9	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	25.3	2,108	12.0	2.1	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	69.0	3,789	18.2	5.8	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	114.1	5,308	21.5	3.4	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.0	1,889	7.9	0.6	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.0	3,116	8.3	1.7	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	72.0	10,782	6.7	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	79.1	5,014	15.8	5.1	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	38.0	2,077	18.3	1.8	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	15.3	66	230.5	0.8	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	86.0	4,517	19.0	4.8	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	29.4	2,277	12.9	2.0	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	20.6	7,108	2.9	0.9	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.8	674	20.5	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	114.1	5,308	21.5	3.4	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	63.0	3,360	18.8	4.1	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.0	2,000	10.5	1.2	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	91.0	12,412	7.3	3.7	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	23.4	4,747	4.9	1.4	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	37.5	3,267	11.5	1.7	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.3	5,207	4.5	1.4	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	27.8	1,223	22.7	1.8	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	63.0	4,503	14.0	4.8	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	49.5	3,842	12.9	2.3	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.6	2,906	9.5	1.9	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	84.1	11,153	7.5	2.1	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	29.7	1,941	15.3	1.4	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	46.0	3,289	14.0	1.4	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	25.8	1,115	23.1	1.0	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	113.0	6,709	16.8	3.6	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.4	4,011	5.6	1.5	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	61.6	-961	#N/A N/A	0.6	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.0	1,889	7.9	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
3	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
10	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
11	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
13	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
16	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
18	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
19	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
22	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
25	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
28	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
31	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
32	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
36	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
38	Banking Sector Outlook		x	Click
39	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
41	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
42	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639